TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **225**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 – 2022
V/v *Ly hôn, nuôi con chung.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng.
2. Bà Trần Thị Hiền.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Thôn 4, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị T1, sinh năm 1999.
Địa chỉ: Thôn 4, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
Tại phiên toà vắng mặt anh T và chị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 13 tháng 7 năm 2022, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa ngày 30/10/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 7 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị T1 đã về nhà ngoại ở từ tháng

9/2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, hai bên gia đình đã phân tích khuyên giải nhưng không thành. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đỗ Thị T1.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị YN, sinh ngày 07/6/2020. Khi ly hôn anh có nguyện vọng để chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu YN và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nếu chị T1 có yêu cầu.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05 tháng 8 năm 2022, bị đơn là chị Đỗ Thị T1 trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2019 tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến ngày 25/8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, hay cãi vã lẫn nhau, đánh nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên khi sinh con được hơn 02 tháng thì chị đã bế con về nhà ngoại ở và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định là vợ chồng không còn tình cảm nhưng cả hai vợ chồng đều theo đạo nên có một sự ràng buộc nhất định. Tuy nhiên, anh T làm đơn xin ly hôn thì chị cũng chấp nhận ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị YN, sinh ngày 07/6/2020. Lâu nay cháu ở với chị và chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc cháu YN. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh T và chị T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T, xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Đỗ Thị T1; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị YN, sinh ngày 07/6/2020 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T1 không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được ngăn cấm và có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con; Về tài sản chung và công nợ chung, vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Đề nghị HĐXX xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị T1 là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn 4, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa nên việc anh Nguyễn Văn T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qúa trình giải quyết vụ án, anh T và chị T1 đều có đơn xin được vắng mặt tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử tại Tòa. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị T1.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa ngày 30/10/2019 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T và chị T1 đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của anh T và chị T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục. Anh T làm đơn xin ly hôn, chị T1 cũng xác định không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Đỗ Thị T1.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị T1 có 01 con chung, cháu Nguyễn Thị YN, sinh ngày 07/6/2020. Qúa trình giải quyết vụ án, anh T có

nguyện vọng để chị T1 được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu YN. Chị T1 cũng có nguyện vọng được nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận sự tự nguyện của anh T và chị T1, giao cháu YN cho chị T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T1 không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T và chị T1 đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T khởi kiện vụ án ly hôn nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân*: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Đỗ Thị T1.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị YN, sinh ngày 07/6/2020 cho chị Đỗ Thị T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T1 không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0003540 ngày 13/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

- *Về quyền kháng cáo*: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã Y, huyện Yên Định;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Nguyễn Thị Hoa